

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2025/HS-PT
Ngày 18 - 12 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Thanh Gia

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

Ông Phan Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 183/2025/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Lê Minh T do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2025/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Gia Lai.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Lê Minh T, sinh ngày 05/6/1999 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052099007211; nơi cư trú: Thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1, sinh năm 1979 và bà Châu Thị Bích L, sinh năm 1977; vợ: Lê Thị Mỹ H, sinh năm: 2000; con: Không có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1975, số căn cước công dân: 052075006979 và bà Huỳnh Thị Bích V1, sinh năm: 1975, số căn cước công dân: 052175016712; đồng cư trú tại: Thôn X, xã A, tỉnh Gia Lai (ông V, bà V1 là cha mẹ của cháu Nguyễn Huỳnh N và có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 25/12/2024, Lê Minh T (đã có giấy phép lái xe hạng C) điều khiển xe ô tô tải mang biển kiểm soát 77C-209.82 (nhãn hiệu VIETRUNG, màu sơn xanh, số loại DVM8.0) chở đất, lưu thông trên đường ĐT-629 theo hướng thôn X đi V, xã A, tỉnh Gia Lai. Khi đi đến Km 22+500 ĐT-629, đoạn ngã 3 đường vào thôn V, T quan sát gương chiếu hậu thấy phía sau không có xe cùng chiều, phía trước có xe đạp điện của cháu Phan Quỳnh N1 điều khiển chở theo cháu Nguyễn Huỳnh N đi sát lề đường bên phải cùng chiều phía trước cách xe T khoảng 10m. Do khoảng cách gần, thiếu quan sát nên khi T điều khiển xe ô tô tải vượt xe đạp điện của cháu Phan Quỳnh N1 và rẽ vào đường đi thôn V thì dẫn đến cạnh ngoài bên phải thành thùng xe tải nêu trên (bên phụ xe) va chạm với tay lái xe đạp điện của cháu Phan Quỳnh N1 làm cho xe đạp điện ngã xuống đường; các cháu Nguyễn Huỳnh N và Phan Quỳnh N1 bị hất văng về phía trước, rơi xuống phía trước bánh trước bên phụ xe ô tô tải của T. Khi xe ô tô cán qua xe đạp điện thì T cảm nhận xe bị gồng lên và bị nghiêng, T liền đạp phanh cho xe dừng lại.

Hậu quả: Các cháu Nguyễn Huỳnh N và Phan Quỳnh N1 bị thương tích phải đưa đến bệnh viện cấp cứu, xe đạp điện bị hư hỏng. Đến ngày 26/12/2024, cháu Nguyễn Huỳnh N tử vong tại bệnh viện; còn cháu Phan Quỳnh N1 được đưa đến Bệnh viện Đ cấp cứu, sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B và Bệnh viện nhi đồng 1 Thành phố H để điều trị.

Tại Kết quả giám định tử thi số 398/KLGĐTT-PYBD ngày 30/12/2024, Trung tâm pháp y tỉnh B (nay là tỉnh Gia Lai) kết luận: Nguyên nhân chết của cháu Nguyễn Huỳnh N là suy hô hấp, suy tuần hoàn do vết thương gây đứt bó mạch thần kinh đùi trái, đa chấn thương điều trị không hồi phục.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 113/KLTTCT-PYBD ngày 03/6/2025, Trung tâm P (nay là tỉnh Gia Lai) kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với cháu Phan Quỳnh N1 là 47%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 14/02/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A, tỉnh Bình Định (cũ) kết luận: Xe đạp điện bị hư hỏng, thiệt hại có giá trị là 6.020.000 đồng.

Bị cáo và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình cháu Nguyễn Huỳnh N số tiền 120.000.000 đồng và bồi thường cho cháu Phan Quỳnh N1 số tiền 62.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Huỳnh N và cháu Phan Quỳnh N1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS-ST ngày 22/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Gia Lai đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử bị cáo Lê Minh T 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường

bộ”; về phần dân sự thì tại phiên tòa, bị hại và người đại hợp hợp pháp của các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/10/2025, người đại diện hợp pháp của bị hại cháu Nguyễn Huỳnh N là bà Huỳnh Thị Bích V1 có đơn kháng cáo yêu cầu không cho bị cáo được hưởng án treo và tăng mức bồi thường thiệt hại với tổng số tiền yêu cầu là 350.000.000 đồng (bao gồm tiền bồi thường tổn thất tinh thần bằng 100 lần mức lương cơ sở, tiền mai táng 22.000.000 đồng, tiền xe cấp cứu 20.000.000 đồng và các khoản chi phí khác).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V1 rút một phần kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo T; bị cáo T và vợ chồng bà V1 – ông V đã thỏa thuận là bị cáo tiếp tục bồi thường cho bà V1 – ông V số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo T và gia đình bị cáo đã đưa trước cho bà V1 – ông V số tiền 100.000.000 đồng, bị cáo cam kết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 18/12/2025 sẽ giao đủ cho bà V1 – ông V số tiền còn lại 50.000.000 đồng (có biên bản giao nhận tiền kèm theo).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà V1 về phần hình phạt đối với bị cáo; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà V1, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bị cáo đối với cháu Nguyễn Huỳnh N, ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo với vợ chồng bà V1 – ông V, buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà V1 – ông V số tiền 150.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T và gia đình bị cáo đã đưa trước cho bà V1 – ông V số tiền 100.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường số tiền 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Chiều ngày 25/12/2024 tại Km 22+500 ĐT-629 (đoạn ngã 3 đường vào thôn V, xã A, tỉnh Gia Lai) đã xảy ra vụ tai nạn giao thông giữa xe ô tô tải mang biển kiểm soát 77C-209.82 do Lê Minh T (đã có giấy phép lái xe hạng C) điều khiển với xe đạp điện do cháu Phan Quỳnh N1 điều khiển chở cháu Nguyễn Huỳnh N ngồi sau. Hậu quả, cháu Nguyễn Huỳnh N chết, cháu Phan Quỳnh N1 bị thương tích với tỷ lệ 47% và xe đạp điện bị hư hỏng nặng. Nguyên nhân là do T vượt xe không đúng quy định, thiếu chú ý quan sát nên đã gây tai nạn giao thông.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Gia Lai xét xử bị cáo Lê Minh T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với tình tiết định khung “Làm chết người” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại cháu Nguyễn Huỳnh N là bà Huỳnh Thị Bích V1 có đơn kháng cáo yêu cầu không cho bị cáo được hưởng án treo và tăng mức bồi thường thiệt hại với tổng số tiền yêu cầu là 350.000.000 đồng. Xét kháng cáo của bà V1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Tại phiên toà phúc thẩm, bà V1 rút một phần kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo T. Xét thấy việc rút kháng cáo nêu trên của bà V1 là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 1 Điều 342 và Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà V1 về phần hình phạt đối với bị cáo T.

[2.2] Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo T và vợ chồng bà V1 – ông V đã thỏa thuận là bị cáo tiếp tục bồi thường cho bà V1 – ông V số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo T và gia đình bị cáo đã đưa trước cho bà V1 – ông V số tiền 100.000.000 đồng, bị cáo cam kết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 18/12/2025 sẽ giao đủ cho bà V1 – ông V số tiền còn lại 50.000.000 đồng (có biên bản giao nhận tiền đề ngày 18/12/2025 kèm theo).

Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nói trên. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T về việc bồi thường thiệt hại cho bà V1 – ông V (cháu Nguyễn Huỳnh N) số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo T và gia đình bị cáo đã đưa trước cho bà V1 – ông V số tiền 100.000.000 đồng nên bị cáo còn phải bồi thường số tiền 50.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà V1 về việc yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại của bị cáo đối với cháu Nguyễn Huỳnh N, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bị cáo đối với cháu Nguyễn Huỳnh N.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm f khoản 1 và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Lê Minh T phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Huỳnh Thị Bích V1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về phần phân trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bị cáo đối với cháu Phan Quỳnh N1 và phần án phí

hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 342; Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 591 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm f khoản 1 và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị Bích V1 về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Minh T.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị Bích V1 về phần dân sự. Sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bị cáo đối với cháu Nguyễn Huỳnh N.

3. Buộc bị cáo Lê Minh T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn V - bà Huỳnh Thị Bích V1 (là cha mẹ của cháu Nguyễn Huỳnh N) số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); bị cáo T và gia đình bị cáo đã đưa trước cho bà V1 – ông V số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); bị cáo T còn phải bồi thường cho ông V - bà V1 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

4. Về án phí:

4.1. Bị cáo Lê Minh T phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Bà Huỳnh Thị Bích V1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm về phần phân trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bị cáo Lê Minh T đối với cháu Phan Quỳnh N1 và phân án phí hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 5 – Gia Lai;
- VKSND khu vực 5, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 5, tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng GD, KT, TT và THA TAND tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Toà Hình sự, HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Văn Thanh Gia